

Bản án số: 158/2020/HS-ST

Ngày: 26-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Ông Huỳnh Văn Bé;

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 99/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2020/HSST-QĐHPT ngày 27 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 434/1C Phan Xích Long, Phường 2, Quận P, Thành phố H; Chỗ ở: Ấp 5, xã Đ, huyện H, Thành phố H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; mẹ: Bà Nguyễn Thị H, cha: Không rõ; anh chị em ruột: Không có; vợ: Lê Thị Thúy H và có 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Bùi Thị G, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp 1, xã V, huyện T, tỉnh A; chỗ ở: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1984; Thường trú: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh T; Địa chỉ: Số 677/32 Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 4, Phường H, Quận 12, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 04 giờ 30 phút ngày 5/10/2019, Nguyễn Văn T điều khiển xe gắn máy hiệu Cup biên số 53VA-5515 đến gửi tại nhà xe Bệnh viện Xuyên Á thuộc ấp C, xã T, huyện C. Sau đó T đi lên lầu 2 của Bệnh viện để chăm sóc vợ đang hậu sản. Khi đến lầu 2 của Bệnh viện, T thấy tại giường bệnh của bà Bùi Thị G đang nằm có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 đang để dưới gối ngủ, còn tại giường bệnh của bà Trần Thị Đ có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu trắng đang để trong túi áo khoác đặt trên vai phải của chị Đ. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp 02 điện thoại trên để bán lấy tiền. Do đó, T đi đến gần giường bệnh và lén lút dùng tay phải lấy chiếc điện thoại hiệu J7 của bà G, sau đó T đến giường của bà Đ lén lút lấy chiếc điện thoại hiệu J5 của bà Đ. T bỏ 2 điện thoại vừa lấy được vào trong túi quần bên trái của T đang mặc rồi đi xuống nhà xe giấu 02 điện thoại trên vào trong giỏ của chiếc xe Cup biên số 53VA-5515 và lấy áo mưa màu tím che lại. Sau đó, T lên phòng chăm sóc vợ, khoảng 05 phút sau bảo vệ Bệnh viện mời T lại làm việc đồng thời báo cho Công an xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi thì T thừa nhận hành vi phạm tội và chỉ nơi cất giấu 02 điện thoại nêu trên.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 276 ngày 03/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu trắng (ốp màu vàng đồng), số IMEI 1: 355079086077836, số IMEI 2: 355080086077834 có trị giá 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu trắng bạc, số IMEI 1: 353236071684826101, số IMEI 2: 3532370784824101 có trị giá 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Tổng giá trị là 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 105/CT-VKS ngày 26/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu trắng của bà Trần Thị Đ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7, màu trắng bạc của bà Bùi Thị Giàu, tất cả đã trả cho chủ sở hữu nên không xét.

- Về dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không xét.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan sai gì cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo đi làm thuê nuôi vợ và 02 con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/10/2019, tại Bệnh viện Xuyên Á thuộc ấp C, xã T, huyện C, Thành phố H, bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu trắng (ốp màu vàng đồng), số IMEI 1: 355079086077836, số IMEI 2: 355080086077834 có trị giá 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) của bà Trần Thị Đ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu trắng bạc, số IMEI 1: 353236071684826101, số IMEI 2: 3532370784824101 có trị giá 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) của bà Bùi Thị G, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Bằng hành vi trên, bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố.

Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm mất trật tự trị an xã hội, gây

đur luận xấu trong nhân dân, do đó cần xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc là cần thiết.

Tuy nhiên xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; thiệt hại gây ra không lớn; người bị hại có đơn bãi nại và đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố H), từ đó Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và quyết định áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ phát huy tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3]*Về trách nhiệm dân sự:*

Tại phiên tòa, bị hại Bùi Thị G và Trần Thị Đ vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện họ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]*Về xử lý vật chứng:*

01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu trắng của bà Trần Thị Đ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7, màu trắng bạc của bà Bùi Thị G, tất cả đã được trả lại cho chủ sở hữu, thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Xét cần buộc bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 38; khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/8/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố H nơi bị cáo T cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Bị cáo, bị hại;
- UBND xã Đ, huyện H, Thành phố H;
- UBND Phường 2, Quận P, Thành phố H;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương